

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, nguồn khác				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
2	Số thu từ nguồn thu khác	9.602	1.906	20%	74%
	- Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	1.179	172		
	- Tiền tổ chức phục vụ bán trú	3.394	516		
	- Tiền tổ chức lớp học tăng cường Tiếng Anh	543	131		
	- Tiền tổ chức lớp học Tiếng Anh tự chọn	36	27		
	- Tiền tổ chức lớp học Tin học	707	129		
	- Tiền vệ sinh bán trú	566	88		
	- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ HSBT	189	0		
	- Khai thác cơ sở vật chất	150	0		
	- Tiền học Tiếng Anh tích hợp (15% học phí/khóa)	1.075	0		
	- Tiếng Anh giao tiếp	186	677		
	- Tiếng Anh đề án (tăng tiết)	0	19		
	- Câu lạc bộ ngoài giờ	980	0		
	- Câu lạc bộ buổi hai	587	144		
	- Hoạt động tài chính	10	3		
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.485	2.572	14%	78%
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.485	2.572	14%	78%
1	Chi từ nguồn ngân sách cấp	10.447	1.835	18%	56%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.377	1.835	18%	56%
a	Chi thường xuyên	8.582	1.835	21%	56%
	- Chi tiền lương	4.180	925		
	+ Lương theo ngạch, bậc	4.180	925		
	+ Lương theo hợp đồng	0	0		
	+ Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo HĐ	0	0		
	- Phụ cấp lương (Chi tiết từng loại phụ cấp)	2.603	554		
	+ Phụ cấp chức vụ	65	17		
	+ Phụ cấp thêm giờ (Phụ trội)	110	0		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Phụ cấp độc hại	0	1		
	+ Phụ cấp ưu đãi nghề	1.466	322		
	+ Phụ cấp theo nghề, theo công việc	7	2		
	+ Phụ cấp thâm niên nghề	955	212		
	+ Phụ cấp thâm niên vượt khung				
	- Các khoản đóng góp	1.224	270		
	+ Bảo hiểm xã hội	912	201		
	+ Bảo hiểm y tế	156	35		
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	52	11		
	+ Kinh phí công đoàn	104	23		
	- Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	3	0		
	- Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	1	0		
	- Chi thanh toán khác cho cá nhân	0	86		
	- Tiền điện	120	0		
	- Tiền nước	96	0		
	- Tiền vệ sinh môi trường	24	0		
	- Văn phòng phẩm	48	0		
	- Cước phí điện thoại	4	0		
	- Thuê bao cáp truyền hình	2	0		
	- Cước phí internet, đường truyền mạng	26	0		
	- Tuyên truyền, sách báo, tạp chí	8	0		
	- Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	50	0		
	- Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	193	0		
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL	122	0		
c	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên	0	0		
d	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 03/2018/NQ-HĐND	1.673	0		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	70	0		
2	Chi từ nguồn sự nghiệp	8.038	737	9%	44%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.038	737	9%	44%
	- Chi tiền lương	1.863	72		
	+ Lương theo ngạch, bậc	0	0		
	+ Lương theo hợp đồng	0	34		
	+ Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo HĐ	1.863	38		
	- Phụ cấp lương (Chi tiết từng loại phụ cấp)	0	2		
	+ Phụ cấp chức vụ	0	0		
	+ Phụ cấp thêm giờ (Phụ trội)	0	0		
	+ Phụ cấp ưu đãi nghề	0	0		
	+ Phụ cấp theo nghề, theo công việc	0	1		
	+ Phụ cấp thâm niên nghề	0	1		
	+ Phụ cấp thâm niên vượt khung				
	- Các khoản đóng góp	438	49		
	+ Bảo hiểm xã hội	326	37		
	+ Bảo hiểm y tế	56	6		
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	19	2		
	+ Kinh phí công đoàn	37	4		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	0	0		
	- Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	0	0		
	- Chi thanh toán khác cho cá nhân	2.907	243		
	- Tiền điện	360	7		
	- Tiền nước	60	3		
	- Tiền vệ sinh môi trường	24	3		
	- Văn phòng phẩm	48	1		
	- Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0	0		
	- Cước phí điện thoại	4	1		
	- Thuê bao cáp truyền hình	6	9		
	- Cước phí internet, đường truyền mạng	24			
	- Tuyên truyền, sách báo, tạp chí	14	0		
	- Công tác phí	30	0		
	- Thuê phương tiện vận tải	20	0		
	- Thuê lao động trong nước	182	87		
	- Thuê đào tạo lại cán bộ	50	0		
	- Chi phí thuê mướn khác	25	4		
	- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn	220	37		
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	300	0		
	- Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	500	34		
	- Mua ăn chi, pho to tài liệu	0	0		
	- Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	46	0		
	- Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	917	185		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0%	0%
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0		

Người lập bảng



Tô Quốc Liệt

Quận 1, ngày 15 tháng 4 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Thu Hương